BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /TTr-BTTTT	

Hà Nội, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xuất bản

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Quyết định số 53/QĐ-TTg ngày 15/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ;

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ đề nghị xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung Luật Xuất bản như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Định hướng của Đại hội XIII của Đảng: *"Xây dựng ngành xuất bản, in và phát hành theo hướng tinh gọn, chất lượng và hiện đại hóa"*.

- Các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia được nêu rõ trong các Nghị quyết và văn kiện Đại hội Đảng, như: Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị, Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ XIII (Báo cáo chính trị, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030; Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020 và phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025).

- Công nghệ số đã trở thành lực lượng sản xuất cơ bản của hầu hết các lĩnh vực. Công nghệ số ảnh hưởng đầu tiên, mạnh mẽ nhất và sâu rộng nhất là tới lĩnh vực báo chí, truyền thông. Việc sử dụng công nghệ số để làm báo đã trở thành vấn đề sống còn của xuất bản.

- Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 25/8/2004 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản, trong nhiệm vụ cụ thể có nội dung: *"Tiếp tục rà soát, bổ sung và thực hiện tốt quy hoạch ngành xuất bản; tập trung xây dựng tiềm lực và năng lực của hoạt động xuất bản; nâng cao hiệu quả kinh tế của*

xuất bản, in và phát hành, xây dựng các mô hình và cơ cấu mới phù hợp với sự phát triển của công nghiệp xuất bản hiện đại: thí điểm xây dựng các tập đoàn xuất bản, tổ hợp xuất bản - báo chí, nghiên cứu hoàn chỉnh mô hình doanh nghiệp làm nhiệm vụ xuất bản".

- Thông báo Kết luận số 19-CT/TW ngày 29/12/2016 của Ban Bí thư khóa IX về tiếp tục thực hiện Chỉ thị 42-CT/TW ngày 25/8/2004 của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản: *"Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất các giải pháp phù hợp để nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất bản"* và "*Phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố rà soát, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật về thuế, tiền thuê nhà đất thuộc sở hữu nhà nước, đầu tư và bổ sung vốn cho các nhà xuất bản, sách đặt hàng hằng năm, sách cho đồng bào dân tộc thiểu số, sách phục vụ thông tin đối ngoại, hỗ trợ mua bản thảo chất lượng cao, hỗ trợ hoạt động triển lãm, quảng bá sách trong và ngoài nước…"*

- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/06/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, trong đó có nhiệm vụ: *"Tập trung đổi mới, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về văn hóa trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và sự bùng nổ của công nghệ thông tin và truyền thông. Đẩy nhanh việc thể chế hóa, cụ thể hóa các quan điểm, đường lối của Đảng về văn hóa. Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về văn hóa, về quyền tác giả và các quyền liên quan, phù hợp với chuẩn mực quốc tế và thực tiễn Việt Nam. Điều chỉnh và hoàn thiện cơ chế, chính sách phù hợp với tính đặc thù của văn hóa, nghệ thuật. Bổ sung chính sách kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế, xử lý hài hòa mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và phát triển văn hóa; có chính sách văn hóa đặc thù đối với đồng bào dân tộc thiểu số"* và "*Ngăn chặn có hiệu quả tình trạng một bộ phận báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ hoạt động không đúng tôn chỉ, mục đích, sản phẩm lệch lạc, thị hiếu tầm thường".*

- Kết luận số 76-KL/TW ngày 04/06/2020 của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, trong đó yêu cầu: *"Rà soát, hoàn thiện các văn bản pháp luật, quản lý hiện hành có liên quan; sửa đổi, bổ sung những nội dung không còn phù hợp. Tích cực đổi mới phương thức lãnh đạo và quản lý đối với sự nghiệp phát triển văn hoá, xác định rõ những chiến lược và giải pháp lãnh đạo, quản lý phù hợp với từng đối tượng, lĩnh vực và địa bàn cụ thể. Tăng cường các nguồn lực cho phát triển văn hoá, tương xứng với tăng trưởng kinh tế. Ưu tiên đầu tư*

một số cơ sở đào tạo trọng điểm, chất lượng cao và một số ngành công nghiệp văn hoá chủ đạo, có khả năng dẫn dắt các hoạt động văn hoá."

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về tiếp tục đổi mới hệ thống và tổ chức quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập. Trong đó, xác định nhiệm vụ, giải pháp của lĩnh vực xuất bản là*: "Lĩnh vực xuất bản: Chuyển hầu hết các nhà xuất bản sang đơn vị sự nghiệp có thu; trường hợp thật sự cần thiết, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thì cho phép chuyển sang công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên 100% vốn nhà nước"*.

- Kết luận số 23-NQ/TW ngày 22/11/2017 của Ban Bí thư về tăng cường chỉ đạo, quản lý, phát huy vai trò của báo chí, xuất bản trong việc ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ có chỉ đạo Ban cán sự đảng Bộ Thông tin và Truyền Thông: Chỉ đạo rà soát các quy định pháp luật về báo chí, xuất bản; kiến nghị Chính phủ, Quốc hội sửa đổi, bổ sung, bảo đảm tính đồng bộ trong hệ thống các văn bản của Đảng, Nhà nước; có cơ chế xử lý đủ mạnh để giải quyết kịp thời, dứt điểm các sai phạm của các cơ quan báo chí, xuất bản.

- Quyết định số 115/QĐ-TTg ngày 16/1/2014 ban hành Quy hoạch phát triển xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm đến năm 2020, tầm nhìn 2030 nêu rõ một trong các giải pháp: *"1. Về cơ chế, chính sách: a) Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm; b) Xây dựng và triển khai thực hiện một số dự án nâng cao chất lượng, năng lực hoạt động xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm"*.

- Liên quan đến các cam kết quốc tế: Đối với lĩnh vực xuất bản, các cam kết quốc tế và các hiệp định thương mại thế hệ mới mà Việt Nam là thành viên như WTO, CPTPP, EVFTA …Việt Nam không có cam kết mở rộng so với trước, không cho phép tổ chức nước ngoài được xuất bản tại Việt Nam, không mở cửa thị trường cho cá nhân, tổ chức được nhập khẩu trực tiếp xuất bản phẩm và kinh doanh vào vào thị trường Việt Nam. Vì vậy, Nhà nước hoàn toàn chủ động trong việc ban hành các cơ chế chính sách điều chỉnh hoạt động xuất bản theo định hướng.

2. Cơ sở thực tiễn

- Luật Xuất bản được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XIII, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2012, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2013. Qua thực tiễn hơn 10 năm thi hành, các quy định của Luật Xuất bản đã từng bước đi vào cuộc sống và đạt được nhiều kết quả tích cực, các văn bản quy định chi tiết đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất bản phát triển nhanh, mạnh cả về số lượng và chất lượng, phục vụ tốt các

nhiệm vụ chính trị của đất nước và góp phần cải thiện, nâng cao nhu cầu đọc của nhân dân, khẳng định được vị trí, vai trò của hoạt động xuất bản thuộc lĩnh vực văn hóa tư tưởng, là công cụ sắc bén của Đảng.

Tuy nhiên, trong quá trình thực thi, bên cạnh những mặt ưu điểm, tích cực của Luật, cũng đã bộc lộ những hạn chế, bất cập, cũng như phát sinh nhiều vấn đề mới trong thực tiễn. Một số quy định trong Luật Xuất bản và các văn bản dưới luật còn thiếu cụ thể, thiếu đồng bộ với một số luật có liên quan, một số quy định không còn phù hợp với thực tiễn hoạt động xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm gây ra những khó khăn, vướng mắc trong công tác quản lý nhà nước cũng như việc chấp hành, thực thi pháp luật của các đối tượng quản lý.

- Qua tổng hợp các thông tin, số liệu, đánh giá, nhận định được thể hiện trong Báo cáo tổng kết của các Bộ, ngành, địa phương, hiệp hội và của các đơn vị xuất bản, in, phát hành; kết quả của các cuộc khảo sát và kết quả Hội nghị toàn quốc tổng kết 10 năm thi hành Luật Xuất bản, Bộ Thông tin và Truyền thông đã xây dựng Báo cáo tổng kết 10 năm thi hành Luật Xuất bản, tập trung vào một số vấn đề bất cập như: giải thích thuật ngữ, chính sách của nhà nước đối với xuất bản, mô hình nhà xuất bản, cải cách thủ tục hành chính trong hoạt động xuất bản, in và phát hành, quy định về tiêu chuẩn điều kiện bổ nhiệm giám đốc, tổng biên tập nhà xuất bản, quy định in gia công xuất bản phẩm, vấn đề sở hữu có yếu tố nước ngoài các doanh nghiệp in và phát hành xuất bản phẩm, xuất bản và phát hành điện tử. *(Chi tiết các vấn đề hạn chế, bất cập được nêu trong Báo cáo tổng kết thi hành Luật Xuất bản năm 2012 trình kèm).*

Với những hạn chế, bất cập nêu trên và trong bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng của khoa học, công nghệ, truyền thông hiện đại đã dẫn đến những yêu cầu, đòi hỏi cao hơn trong lĩnh vực xuất bản và cần phải hoàn thiện quy định pháp luật để điều chỉnh, quản lý kịp thời, phù hợp với thực tiễn.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN

1. Mục đích ban hành văn bản

- Thể chế hoá chủ trương, đường lối của Đảng về xuất bản, đặc biệt là định hướng của Đại hội XIII của Đảng: "Xây dựng ngành xuất bản, in và phát hành theo hướng tinh gọn, chất lượng và hiện đại hóa" và Chỉ thị 42-CT/TW về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản: "Hoạt động xuất bản phải coi trọng việc phục vụ nhiệm vụ chính trị, tư tưởng, đáp ứng nhu cầu đọc của nhân dân, đồng thời phải thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh, xây dựng ngành xuất bản thành một ngành kinh tế - công nghệ phát triển toàn diện, vững chắc. Cần xây dựng những chính sách và cơ chế phù hợp để xuất bản hoạt động có hiệu quả trong cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" và quy định của Hiến pháp năm 2013".

- Bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, luật hoá những vấn đề đã rõ, đã được thực tế kiểm nghiệm, rà soát, xác định rõ những nội dung, phạm vi vấn đề cần sửa đổi, bổ sung để khắc phục những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2. Quan điểm xây dựng văn bản

- Xuất bản là lĩnh vực tư tưởng - văn hóa của Đảng, Nhà nước và nhân dân, là một bộ phận của nền văn hóa Việt Nam đậm đà bản sắc dân tộc, có nhiệm vụ lưu giữ, truyền bá tri thức, văn hóa nhằm xây dựng nền tảng tư tưởng, đạo đức, lối sống, nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của người dân, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, đấu tranh với các quan điểm sai trái, thù địch, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung chính sách phải nhằm đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với xuất bản; phát huy tối đa những mặt tích cực, khắc phục tối đa những thiếu sót, khuyết điểm trong hoạt động xuất bản; phát triển hoạt động xuất bản đi đôi với quản lý tốt cả 03 lĩnh vực: xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm.

- Đảm bảo quyền tự do tiếp cận thông tin, tự do ngôn luận trên xuất bản phẩm của công dân; cơ chế thực thi bảo đảm không ai được lạm dụng quyền tiếp cận thông tin, quyền tự do ngôn luận trên xuất bản phẩm để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

- Bảo đảm tính thống nhất, tính khả thi, tính dự báo của các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hoạt động xuất bản, tạo điều kiện để xuất bản phát triển phù hợp với xu hướng phát triển trong bối cảnh của cuộc Cách mạng số và điều kiện chính trị, kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường công tác phân cấp, phân quyền trong công tác quản lý xuất bản; giải quyết các vấn đề bất cập trong các quy định hiện hành của Luật Xuất bản hiện nay, tháo gỡ khó khăn cho công tác quản lý và hoạt động của các đơn vị xuất bản, in và phát hành.

III. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN

1. Phạm vi điều chỉnh

Luật này quy định về tổ chức và hoạt động xuất bản; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia *và có liên quan đến* hoạt động xuất bản.

Hoạt động xuất bản bao gồm các lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm.

2. Đối tượng áp dụng

Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân *tham gia và có liên quan đến hoạt động xuất bản tại nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.*

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TRONG ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG VĂN BẢN

A. Chính sách 01: Tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động xuất bản

1. Mục tiêu của chính sách

a. Khắc phục hạn chế của quy định hiện hành về phạm vi và đối tượng quản lý để bảo đảm tính bao quát của Luật, làm cơ sở xây dựng các chế định, chế tài phù hợp với yêu cầu quản lý trong tình hình mới.

b. Khắc phục hạn chế của quy định hiện hành trong việc thể chế hóa quan điểm chỉ đạo của Đảng về vị trí, vai trò và mục tiêu của hoạt động xuất bản; xác định rõ vị trí, vai trò và mục đích hoạt động của xuất bản làm cơ sở bổ sung nội dung và chính sách quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển của hoạt động xuất bản.

c. Khắc phục hạn chế của quy định hiện hành về thuật ngữ, làm rõ nội hàm khái niệm làm cơ sở xây dựng các quy định quản lý phù hợp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của nhà nước trong lĩnh vực xuất bản, in và phát hành xuất bản phẩm.

d. Khắc phục hạn chế của quy định hiện hành về nội dung quản lý gắn với yêu cầu thúc đẩy chuyển đổi số và tổ chức các hoạt động truyền thông quảng bá về sách, thúc đẩy phát triển thị trường xuất bản phẩm và văn hóa đọc.

đ. Khắc phục hạn chế của quy định hiện hành về chính sách của nhà nước đối với hoạt động xuất bản nhằm đảm bảo tính khả thi, hiệu quả trong tổ chức thực hiện, đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số.

e. Khắc phục hạn chế của quy định hiện hành, hoàn thiện các quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của các cơ quan quản lý, chủ quản và các đơn vị xuất bản, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân.

g. Khắc phục hạn chế của quy định hiện hành, hoàn thiện, làm rõ các hành vi bị cấm trong hoạt động xuất bản, góp phần ngăn chặn hiệu quả vi phạm pháp luật trong hoạt động xuất bản.

h. Khắc phục hạn chế trong quy định hiện hành, bổ sung yêu cầu về việc thực hiện quy định pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng trong hoạt động xuất bản.

i. Khắc phục hạn chế quy định hiện hành, bổ sung quy định về phí trong cấp ISBN cho xuất bản phẩm của nhà xuất bản và phí thẩm định nhập khẩu xuất

bản phẩm không kinh doanh nhằm góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, hình thành thị trường xuất bản, in và phát hành phát triển nhanh, mạnh và đúng định hướng.

2. Nội dung của chính sách

a. Hoàn thiện nội dung về phạm vi điều chỉnh và đối tượng điều chỉnh, mở rộng phạm vi điều chỉnh nhằm bảo đảm phạm vi và đối tượng điều chỉnh phù hợp yêu cầu quản lý trong điều kiện mới, tạo điều kiện điều chỉnh các hoạt động có liên quan đến hoạt động xuất bản như xuất bản. (Điều 1, Điều 2).

b. Hoàn thiện nội dung về vị trí, vai trò, mục tiêu của hoạt động xuất bản, bổ sung và làm rõ nội dung về vai trò xây dựng nền tảng tư tưởng của hoạt động xuất bản và các nội dung định hướng phát triển của hoạt động xuất bản trên cơ sở văn bản chỉ đạo của Đảng. (Điều 3).

c. Hoàn thiện nội dung quy định về giải thích thuật ngữ, bổ sung nội hàm các khái niệm xuất bản phẩm, lưu chiểu, in lậu; bổ sung thuật ngữ cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành làm cơ sở cho xây dựng các chế định và chế tài trong hoạt động xuất bản (Điều 4).

d. Hoàn thiện nội dung quy định về nội dung quản lý nhà nước, bổ sung nội dung về thúc đẩy chuyển đổi số và chỉ đạo các hoạt động truyền thông quảng bá về sách, thúc đẩy phát triển thị trường xuất bản phẩm và văn hóa đọc (Điều 6).

đ. Hoàn thiện nội dung quy định về chính sách của nhà nước đối với từng lĩnh vực xuất bản, in và phát hành (khoản 2,3,4 Điều 7), Cụ thể:

- Đối với lĩnh vực xuất bản: mở rộng về chính sách hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, ứng dụng, chuyển giao công nghệ - kỹ thuật tiên tiến cho toàn bộ các nhà xuất bản; bổ sung ưu đãi về tiền thuê nhà, thuê đất thuộc sở hữu nhà nước cho các nhà xuất bản; bổ sung các hình thức giao nhiệm vụ, đấu thầu xuất bản phẩm thực hiện bằng ngân sách nhà nước; bổ sung đối tượng xuất bản phẩm phục giáo dục, dạy nghề vào đối tượng được hưởng chế độ ưu đãi; bổ sung chính sách hỗ trợ kinh phí tuyển chọn và trao giải thưởng đối với xuất bản phẩm có giá trị cao (khoản 2 Điều 7).

- Đối với lĩnh vực in xuất bản phẩm: thống nhất với nội dung lĩnh vực xuất bản, bổ sung các cơ sở in xuất bản phẩm phục vụ giáo dục, dạy nghề vào các đối tượng được ưu đãi; bổ sung chính sách hỗ trợ kinh phí chuyển cơ sở in vào khu công nghiệp; bổ sung chính sách ưu đãi tiền thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước đối với các cơ sở in thuộc đối tượng ưu đãi (khoản 3 Điều 7).

- Đối với lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm: Bỏ chính sách ưu đãi quỹ đất, hỗ trợ cước vận chuyển; bổ sung chính sách hỗ trợ ứng dụng chuyển giao công nghệ tiên tiến đối với các cơ sở phát hành thuộc đối tượng ưu đãi; bổ sung cơ sở

phát hành phục vụ thông tin đối ngoại vào đối tượng ưu đãi; bổ sung chính sách ưu đãi về thuế đối với các cơ sở phát hành xuất bản phẩm (khoản 4 Điều 7).

- Đối với lĩnh vực xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử chuyển thành chính sách đối với chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản, trong đó bổ sung các chính sách: đầu tư chuyển đổi số cho nhà xuất bản; ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp đầu tư phát triển nền tảng số để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nhân lực số cho lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm (khoản 5 Điều 7).

e. Hoàn thiện nội dung quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh, đề cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý, cơ quan chủ quản, các cơ quan chức năng liên quan và nhà xuất bản (Điều 9).

f. Hoàn thiện nội dung quy định về hành vi bị cấm, bổ sung việc cấm hành vi in lậu xuất bản phẩm và phát hành sản phẩm in lậu (Điều 10).

g. Hoàn thiện nội dung quy định về việc xử lý các hành vi vi phạm các quy định pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng trong hoạt động xuất bản (Điều 11).

h. Hoàn thiện nội dung quy định về quản lý đăng ký và cấp mã số ISBN cho nhà xuất bản; bỏ thủ tục đăng ký xuất bản nhưng giữ thủ tục đăng ký cấp mã số ISBN; bổ sung yêu cầu nhà xuất bản phải trả phí cấp mã số ISBN cho mỗi xuất bản phẩm và tổ chức, cá nhân nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh trả phí thẩm định xuất bản phẩm khi có yêu cầu thẩm định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn

a. Về phạm vi và đối tượng điều chỉnh (Điều 1 và Điều 2)

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Sửa Điều 1 Luật Xuất bản về phạm vi điều chỉnh, bổ sung thêm nội dung tổ chức và cá nhân có liên quan. Cụ thể: *"Luật này quy định về tổ chức và hoạt động xuất bản; quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia và có liên quan đến hoạt động xuất bản".*

Lý do: Nhằm bao quát các quan hệ xã hội mà Luật Xuất bản cần điều chỉnh, khắc phục một số quan hệ xã hội không phải do các chủ thể tham gia trực tiếp vào hoạt động xuất bản nhưng có liên quan đến hoạt động xuất bản, cần được Luật này điều chỉnh như: xuất bản, in, phát hành dạng in và điện tử có hình thức xuất bản phẩm; cung cấp dịch vụ trung gian hoạt động phát hành. Ngoài ra, quy định như trên cũng bảo đảm sự thống nhất, chặt chẽ trong quy định đối với việc quản lý nhập khẩu xuất bản phẩm được xuất bản hợp pháp ở nước ngoài nhưng không qua nhà xuất bản (theo hình thức tự xuất bản).

+ Sửa Điều 2 Luật Xuất bản về đối tượng điều chỉnh, sửa lại nội dung trước đây theo hướng quy định các đối tượng hoạt động trong lãnh thổ Việt Nam sang hướng hoạt động và có liên quan đến Việt Nam. Cụ thể: *"Luật này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia và có liên quan đến hoạt động xuất bản tại nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam".*

Lý do: Thống nhất với việc mở rộng phạm vi điều chỉnh, mở rộng đối tượng quản lý nhằm bao quát hơn, không chỉ có các đối tượng tham gia trực tiếp hoạt động xuất bản (nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành xuất bản phẩm) mà điều chỉnh và áp dụng đối với các chủ thể cung cấp nền tảng xuất bản, phát hành xuất phẩm, nhất là các nền tảng xuyên biên giới; các tổ chức, cá nhân lợi dụng kẽ hở pháp luật, in lậu các sản phẩm dạng sách nhưng không thông qua nhà xuất bản; quản lý xuất bản phẩm do cá nhân tự xuất bản hợp pháp được nhập khẩu vào Việt Nam.

b. Hoàn thiện nội dung về vị trí, mục đích của hoạt động xuất bản (Điều 3)

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Bổ sung nội dung về nhiệm vụ xây dựng nền tảng tư tưởng của hoạt động xuất bản vào vai trò của hoạt động xuất bản và định hướng phát triển của hoạt động xuất bản theo tinh thần Chỉ thị 42-CT/TW về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản vào mục đích của hoạt động xuất bản. Cụ thể: *"1. Hoạt động xuất bản thuộc lĩnh vực văn hóa, tư tưởng có nhiệm vụ phổ biến, giới thiệu tri thức thuộc các lĩnh vực của đời sống xã hội, giá trị văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hoá nhân loại, đáp ứng nhu cầu đời sống tinh thần của nhân dân, nâng cao dân trí, xây dựng nền tảng tư tưởng, đạo đức và lối sống tốt đẹp của người Việt Nam, mở rộng giao lưu văn hóa với các nước, phát triển kinh tế - xã hội, đấu tranh chống mọi tư tưởng và hành vi làm tổn hại lợi ích quốc gia, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. 2. Hoạt động xuất bản phải coi trọng việc phục vụ nhiệm vụ chính trị, tư tưởng, đồng thời phải thực hiện tốt nhiệm vụ kinh doanh, xây dựng ngành xuất bản thành một ngành kinh tế - công nghệ phát triển toàn diện, vững chắc".*

Lý do: Xây dựng nền tảng tư tưởng là một trong những nhiệm vụ quan trọng của hoạt động xuất bản đã được Chỉ thị 42-CT/TW khẳng định; bổ sung nội dung này nhằm khẳng định vai trò của hoạt động xuất bản, trách nhiệm của người làm công tác xuất bản. Bên cạnh đó, việc bổ sung khoản 2 về định hướng phát triển vào mục tiêu của hoạt động xuất bản để khẳng định rõ tầm nhìn và yêu cầu phát triển của hoạt động xuất bản; thể chế hoá các nội dung quan trọng trong quan điểm chỉ đạo của Đảng về hoạt động xuất bản.

c. Hoàn thiện nội dung về giải thích thuật ngữ (Điều 4)

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Hoàn thiện giải thích thuật ngữ về xuất bản phẩm, bổ sung nội hàm sách in và sách điện tử vào khái niệm xuất bản phẩm, bổ sung hình thức "sách điện tử" vào các hình thức sách *(khoản 4, Điều 4);* đồng thời bỏ nội dung giải thích từ ngữ về "xuất bản điện tử" (khoản 8, Điều 4) và "xuất bản phẩm điện tử" *(khoản 9, Điều 4)*. Cụ thể: *"4. Xuất bản phẩm bao gồm xuất bản phẩm in và xuất bản phẩm điện tử là tác phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật được xuất bản thông qua nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản bằng các ngôn ngữ khác nhau, bằng hình ảnh, âm thanh và được thể hiện dưới các hình thức sau đây: a) Sách in và sách điện tử; b) Sách chữ nổi, c) Tranh, ảnh, bản đồ, áp-phích, tờ rời, tờ gấp, các loại lịch; d) Bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách".*

Lý do: Việc giải thích đồng thời 02 khái niệm xuất bản phẩm và xuất bản phẩm điện tử là của Luật Xuất bản năm 2012 dẫn đến việc hiểu không chính xác về nội hàm xuất bản phẩm bởi trên mặt ngữ nghĩa "xuất bản phẩm" phải bao hàm cả xuất bản phẩm in và xuất bản phẩm điện tử.

Mặt khác việc giải thích xuất bản phẩm điện tử hiện nay là xuất bản phẩm điện tử là sách in, tranh, ảnh, bản đồ, tờ rời, áp phích, tờ gấp, các loại lịch được thể hiện trên phương tiện điện tử là không chính xác, không phù hợp mục tiêu quản lý do sách điện tử là một hình thức thể hiện độc lập, không phải là sách in được thể hiện trên phương tiện điện tử; tờ rời, tờ gấp không có hình thức thể hiện trên phương tiện điện tử. Riêng đối với các loại tranh, ảnh, bản đồ, áp phích, các loại lịch trên phương tiện điện tử nếu đưa vào quản lý dưới dạng xuất bản phẩm là không phù hợp dù đã giới hạn là các sản phẩm được xuất bản thông qua nhà xuất bản, do phạm vi quá rộng, nhiều loại tồn tại dưới dạng các nền tảng ứng dụng (bản đồ, lịch) trên các thiết bị đầu cuối gắn trên nhiều sản phẩm khác (bản đồ, lịch có trên điện thoại di động, phương tiện giao thông). Đặc biệt, việc quy định như trên gây nhiều khó khăn trong quản lý các sản phẩm nhập khẩu có chứa các nội dung ảnh, lịch, bản đồ.

Vì thế, việc bỏ giải thích thuật ngữ: "xuất bản phẩm điện tử" để giải thích chung trong thuật ngữ "xuất bản phẩm"; đồng thời xác định rõ phạm vi quản lý là sách điện tử là cần thiết, giúp các nội dung thuật ngữ tường minh, phạm vi quản lý phù hợp, có tính khả thi.

+ Hoàn thiện giải thích thuật ngữ *"in xuất bản phẩm"* bổ sung nội dung xuất bản phẩm vào thuật ngữ in; mô tả rõ thiết bị gắn với công đoạn in xuất bản phẩm *(khoản 2, Điều 4)*. Cụ thể: *"2. In xuất bản phẩm là việc sử dụng thiết bị chế bản, in, gia công sau in để tạo ra xuất bản phẩm từ bản mẫu".*

Lý do: Chính xác thuật ngữ phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật, nêu rõ hơn nội hàm của thiết bị in gắn với các công đoạn in, từ đó tạo thuận lợi trong công tác quản lý cơ sở in.

+ Hoàn thiện giải thích thuật ngữ "phát hành xuất bản phẩm" *(khoản 3, Điều 4),* bổ sung nội dung xuất bản phẩm vào thuật ngữ phát hành để chính xác hoá thuật ngữ. Cụ thể: "3. Phát hành *xuất bản phẩm* là việc thông qua một hoặc nhiều hình thức mua, bán, phân phát, tặng, cho, cho thuê, cho mượn, xuất khẩu, nhập khẩu, hội chợ, triển lãm để đưa xuất bản phẩm đến người sử dụng".

Lý do: Chính xác thuật ngữ phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Luật.

+ Bỏ giải thích thuật ngữ "xuất bản điện tử" *(khoản 8 Điều 4)*.

Lý do: Nội dung không cần thiết vì nội hàm của thuật ngữ "xuất bản" quy định tại khoản 1 Điều 4 đã bao gồm cả xuất bản điện tử. Mặt khác khoản 10 đã có nội dung giải thích rõ về phương tiện điện tử nên việc giải thích tại khoản 8 là không cần thiết.

+ Hoàn thiện giải thích thuật ngữ "phương tiện điện tử", cập nhật quy định mới của Luật Giao dịch điện tử *(khoản 10 Điều 4)*. Cụ thể: *"10. Phương tiện điện tử là phương tiện hoạt động dựa trên công nghệ điện, điện tử, kỹ thuật số, từ tính, truyền dẫn không dây, quang học, điện từ hoặc công nghệ tương tự quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật giao dịch điện tử.".*

Lý do: Cập nhật nhằm bảo đảm sự thống nhất giữa các quy định pháp luật.

+ Hoàn thiện. giải thích thuật ngữ "lưu chiểu", làm rõ nội hàm khái niệm lưu chiểu gắn với yêu cầu về thời gian quản lý trên cơ sở thống nhất với thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 24 tháng (khoản 12 Điều 4). Cụ thể: *"12. Lưu chiểu là việc cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận xuất bản phẩm và lưu giữ 24 tháng kể từ ngày tiếp nhận để đối chiếu, kiểm tra, thẩm định.".*

Lý do: Đưa thời gian lưu giữ 24 tháng tại cơ quan quản lý trên cơ sở thống nhất thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính để làm rõ hơn thời gian sách được xác định là sách lưu chiểu, bảo đảm sau khi sách hết thời hạn lưu chiểu sẽ được luân chuyển, sử dụng hiệu quả, đúng quy định.

+ Hoàn thiện giải thích thuật ngữ in lậu (khoản 13, Điều 4). Cụ thể: "*13. In lậu xuất bản phẩm là hành vi sử dụng thiết bị chế bản, in, gia công sau in hoặc máy photocopy để nhân bản các sản phẩm thuộc các trường hợp sau: a) Tác phẩm, tài liệu dưới hình thức xuất bản phẩm nhưng không được xuất bản thông qua nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản hoặc không được sự đồng ý của chủ sở hữu quyền tác giả; b) Có số lượng in vượt quá số lượng theo quyết định xuất bản của nhà xuất bản, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xuất bản hoặc vượt quá số lượng theo hợp đồng in.".*

Lý do: Làm rõ thuật ngữ in lậu là cơ sở để xây dựng chế tài xử lý hành vi in lậu, đặc biệt là việc đưa hành vi in sản phẩm dưới hình thức xuất bản phẩm nhưng không thông qua nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh vào hành vi in lậu để từ đó xây dựng các chế tài xử lý vi phạm.

+ Bổ sung giải thích thuật ngữ "cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm". *(khoản 14 Điều 4)*. Cụ thể: "*14. Cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm là đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh gia đình cung cấp nền tảng số trung gian để phát hành xuất bản phẩm theo quy định tại Điều 45 Luật Giao dịch điện tử".*

Lý do: Theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ, cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian là doanh nghiệp cung cấp phương tiện kỹ thuật để tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ đưa nội dung thông tin số lên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet; cung cấp kết nối trực tuyến cho công chúng tiếp cận, sử dụng nội dung thông tin số trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet.

Đối với lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm, doanh nghiệp cung cấp các nền tảng số trung gian phát hành xuất bản phẩm giữ vai trò ngày càng quan trọng, là kênh phân phối, quảng bá sách chiếm tỷ trọng lớn[1]. Tuy nhiên, hiện nay, các doanh nghiệp cung cấp nền tảng số trung gian phát hành như Shoppe, Lazada… , đặc biệt là các nền tảng xuyên biên giới như Tiktok, Facebook… dù đã trở thành sàn phát hành xuất bản phẩm rất lớn nhưng chưa được luật quản lý chuyên ngành điều chỉnh mà chỉ thực hiện theo các quy định chung của doanh nghiệp và thương mại điện tử. Tình trạng nhiều đối tượng lợi dụng kẽ hở pháp luật, vi phạm bản quyền, không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ về thuế…. đang diễn ra trên các nền tảng này. Vì thế việc đưa vào quản lý theo Luật Xuất bản, làm rõ thuật ngữ "cơ sở phát hành dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm, từ đó xây dựng các chế định trong Luật là cần thiết, tạo hành lang pháp lý để các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm tiếp tục phát huy hiệu quả, thúc đẩy thị trường phát hành xuất bản phẩm phát triển mạnh mẽ, đúng định hướng.

d. Hoàn thiện nội dung về quản lý Nhà nước đối với hoạt động xuất bản

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Bổ sung nội dung chuyển đổi số vào nội dung quản lý của nhà nước (điểm d khoản 1 Điều 6). Cụ thể: *"d. Nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản; đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn,*

[1] Theo khảo sát thống kê của Cục Xuất bản, In và Phát hành bình quân giai đoạn 2019- 2023, tỷ trọng doanh thu phát hành trên các nền tảng trực tuyến chiếm 31,5%. Riêng thời điểm dịch bệnh 2020-2021, tỷ trọng đạt 54,5%.

nghiệp vụ về hoạt động xuất bản.

Lý do: Hiện nay, chuyển đổi số trở thành một yêu cầu, cũng là động lực phát triển hoạt động xuất bản trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đưa nội dung chuyển đổi số vào nội dung quản lý, bên cạnh nội dung nghiên cứu khoa học và công nghệ để nhấn mạnh tầm quan trọng của chuyển đổi số cũng như nâng cao vai trò, trách nhiệm các cấp các ngành, góp phần thể chế hoá quan điểm của Đảng tại Nghị quyết 52-NQ/TW của Trung ương Đảng khoá XII về chuyển đổi số, đẩy mạnh thực hiện Chiến lược chuyển đổi số quốc gia của Chính phủ.

+ Bổ sung nội dung chỉ đạo các hoạt động truyền thông quảng bá về sách, thúc đẩy phát triển thị trường xuất bản phẩm và văn hóa đọc vào nội dung quản lý (khoản 1 Điều 6). Cụ thể: *"h) Chỉ đạo các hoạt động truyền thông quảng bá về sách, thúc đẩy phát triển thị trường xuất bản phẩm và văn hóa đọc".*

Lý do: Truyền thông, quảng bá để thúc đẩy thị trường xuất bản phẩm và văn hoá đọc giữ vai trò quan trọng đối với sự phát triển của hoạt động xuất bản. Để nâng cao hiệu quả hoạt động này, Chính phủ mà trực tiếp là Bộ Thông tin và Truyền thông và các địa phương cần được giao nhiệm vụ.

đ. Hoàn thiện nội dung về chính sách của nhà nước đối với hoạt động xuất bản.

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Đối với lĩnh vực xuất bản:

(1) Hoàn thiện quy định về đặt hàng xuất bản phẩm bằng ngân sách nhà nước để phục vụ các nhiệm vụ chính trị và các nhiệm vụ khác trên cơ sở: Bổ sung hình thức giao nhiệm vụ, đấu thầu xuất bản phẩm; nhấn mạnh yêu cầu chất lượng đối với xuất bản phẩm đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu; bổ sung đối tượng hưởng ưu đãi là xuất bản phẩm phục vụ giáo dục, dạy nghề (điểm b khoản 2, Điều 7). Cụ thể: *"b) Đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu để có bản thảo chất lượng và xuất bản tác phẩm, tài liệu phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, giáo dục, dạy nghề, thông tin đối ngoại, phục vụ đồng bào vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo, thiếu niên, nhi đồng, người khiếm thị và các nhiệm vụ trọng yếu khác".*

Lý do: Theo quy định của Luật Ngân sách, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thi hành, đối với việc cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên, ngoài hình thức đặt hàng còn có hình thức giao nhiệm vụ và đấu thầu. Để thống nhất với các văn bản pháp luật trên, cần bổ sung thêm nội dung "giao nhiệm vụ" và "đặt hàng" xuất bản phẩm

vào các chính sách hỗ trợ đặt hàng của nhà nước để phục vụ nhiệm vụ chính trị theo quy định"; đồng thời bổ sung thêm đối tượng xuất bản phẩm hướng nghiệp, dạy nghề do đây là những nội dung quan trọng, cần được sự đầu tư của nhà nước để xuất bản, nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động của người Việt Nam trong điều kiện mảng sách này chưa được nhiều nhà xuất bản và đơn vị liên kết xuất bản quan tâm, đầu tư, tổ chức xuất bản hiệu quả.

(2) Bổ sung chính sách ưu đãi tiền thuê nhà, thuê đất thuộc sở hữu nhà nước *(điểm d khoản 1 Điều 7)*. Cụ thể: *"d) Ưu đãi tiền thuê đất, thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước, lãi suất vay vốn theo quy định của pháp luật".*

Lý do: Trên thực tế, xuất bản đã được sự ưu đãi về thuế (VAT và thu nhập doanh nghiệp". Việc bổ sung ưu đãi thuế vào nội dung trên nhằm thống nhất với các quy định chung về ưu đãi thuế đối với lĩnh vực xuất bản hiện nay. Ngoài ra, bổ sung thêm ưu đãi về tiền thuê nhà, đất vì tiền thuê đất, nhà thuộc sở hữu nhà nước đối với các nhà xuất bản là doanh nghiệp không phù hợp, vượt quá khả năng và lợi nhuận thực tế của hầu hết các nhà xuất bản; nhiều nhà xuất bản, trong đó có các nhà xuất bản có truyền thống đã phải dừng hoạt động do xuất phát từ nợ đọng tiền thuê đất, thuê nhà. Vì thế, việc bổ sung chính sách này là rất cần thiết.

(3) Bổ sung chính sách hỗ trợ kinh phí tuyển chọn và trao giải thưởng đối với xuất bản phẩm có giá trị cao *(điểm d khoản 1 Điều 7)*. Cụ thể: *"đ) Hỗ trợ kinh phí tuyển chọn và trao giải thưởng đối với xuất bản phẩm có giá trị cao"*

Lý do: Việc tổ chức tuyển chọn và trao giải thưởng đối với các xuất bản phẩm có giá trị cao là một trong những giải pháp quan trọng để một mặt tôn vinh người viết sách, làm sách, đồng thời cổ vũ, động viên người đọc, phát triển văn hoá đọc. Thời gian qua, nhà nước giao cho nhiều cơ quan, đơn vị tổ chức đa dạng các hình thức tuyển chọn, trao thưởng cho các xuất bản phẩm có giá trị, trong đó có giao cho Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức Giải thưởng sách Quốc gia. Qua các năm, Giải thưởng sách quốc gia và các giải thưởng khác đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Để phát huy kết quả tích cực đó, việc luật hoá đưa việc tổ chức tuyển chọn và trao giải thưởng đối với các xuất bản phẩm có giá trị cao trở thành một chính sách của Nhà nước đối với lĩnh vực xuất bản là cần thiết, góp phần thể chế hoá chủ trương của Đảng về nâng cao chất lượng nội dung xuất bản phẩm, đẩy mạnh phát triển văn hoá đọc.

+ Đối với lĩnh vực in xuất bản phẩm:

(1) Bổ sung các cơ sở in xuất bản phẩm phục vụ giáo dục, hướng nghiệp, dạy nghề vào các đối tượng được ưu đãi, hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, ứng dụng, chuyển giao công nghệ - kỹ thuật tiên tiến; đồng thời bổ sung chính sách hỗ trợ kinh phí chuyển cơ sở in vào khu công nghiệp; *(điểm a khoản 3 Điều 7)*. Cụ thể: *"a) Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, hiện đại*

hóa cơ sở vật chất, ứng dụng, chuyển giao công nghệ - kỹ thuật tiên tiến cho cơ sở in phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, giáo dục, dạy nghề, thông tin đối ngoại và cơ sở in tại vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo; hỗ trợ kinh phí chuyển cơ sở in vào khu công nghiệp".

Lý do: Thống nhất với quy định được bổ sung tại điểm b, khoản 2 điều này, phù hợp các đối tượng cần ưu tiên có đầu tư của nhà nước trong lĩnh vực in. Ngoài ra, việc bổ sung hỗ trợ kinh phí chuyển cơ sở in vào khu công nghiệp nhằm đưa cơ sở in sớm tập trung vào các khu công nghiệp, đáp ứng yêu cầu "Sắp xếp ngành xuất bản, in và phát hành theo hướng tinh gọn, chất lượng và hiện đại hoá" theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng.

(2) Bổ sung chính sách ưu đãi tiền thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước đối với các cơ sở in thuộc đối tượng ưu đãi (khoản 3 Điều 7). Cụ thể: *"b) Ưu đãi tiền thuê đất, thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước để làm nhà xưởng và lãi suất vay vốn đối với cơ sở in phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại và cơ sở in tại vùng sâu, vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo theo quy định pháp luật".*

Lý do: Kế thừa tinh thần Luật Xuất bản 2012, việc bổ sung ưu đãi về tiền thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước nhằm đảm bảo sự thống nhất trong quy định pháp luật, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, có tính khả thi, tạo điều kiện cho các cơ sở in phục vụ hiệu quả các nhiệm vụ chính trị và các nhiệm vụ khác cho các đối tượng, khu vực cần ưu đãi theo quy định pháp luật.

+ Đối với lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm:

(1) Bỏ chính sách ưu đãi quỹ đất; bổ sung cơ sở phát hành phục vụ thông tin đối ngoại vào đối tượng ưu đãi và bổ sung chính sách hỗ trợ ứng dụng chuyển giao công nghệ tiên tiến đối với các cơ sở phát hành thuộc đối tượng ưu đãi (điểm a khoản 4 Điều 7). Cụ thể: *"a) Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, ứng dụng, chuyển giao công nghệ - kỹ thuật tiến tiến đối với cơ sở phát hành phục vụ nhiệm vụ chính trị, an ninh, quốc phòng, thông tin đối ngoại.*

Lý do: Trong điều kiện hiện nay, đặc biệt là với đặc thù về việc ứng dụng các nền tảng thương mại điện tử để phát hành, việc ưu đãi quỹ đất không cần thiết. Trong khi đó, việc đầu tư, hiện đại hoá cơ sở vật chất, đặc biệt chú trọng vào ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên tiến, nhất là công nghệ số lại rất cần thiết. Bên cạnh đó, thông tin đối ngoại là một trong những nội dung rất quan trọng, cần ưu đãi để phục vụ các nhiệm vụ chính trị và văn hoá về đối ngoai, phát huy "sức mạnh mềm". Vì vậy, việc bổ sung nội dung như trên góp phần hỗ trợ các đơn vị xuất bản có điều kiện phát huy nguồn lực, thực hiện các nhiệm vụ chính trị và các nhiệm vụ quan trọng khác của Đảng, Nhà nước hiệu quả.

(2) Bỏ "hỗ trợ cước vận chuyển vùng xa, miền núi, biên giới, hải đảo"

(điểm b khoản 4 Điều 7).

Lý do: Các quy định về hỗ trợ cước vận chuyển theo quy định của Luật không còn phù hợp. Thực tế, sau khi WTO có hiệu lực, Bộ Tài chính thống nhất không áp dụng trợ cước với hàng hoá nói chung, bao gồm cả trợ cước cho hoạt động phát hành sách. Theo đó, từ năm 2013 đến nay, Bộ Tài chính đã không còn hỗ trợ cước vận chuyển sách mà kinh phí được nằm chung trong kinh phí phát hành của các đề án sử dụng ngân sách nhà nước[2].

+ Đối với lĩnh vực xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử:

Sửa tên chính sách đối với xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử chuyển thành chính sách đối với chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản, đồng thời bổ sung các chính sách: (1) Đầu tư chuyển đổi số cho nhà xuất bản; (2) Ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp đầu tư phát triển nền tảng số để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nhân lực số cho lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm (khoản 5 Điều 7).

Cụ thể: *"5. Chính sách của Nhà nước về chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản: a) Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng, hiện đại hóa cơ sở vật chất, ứng dụng công nghệ - kỹ thuật tiên tiến cho nhà xuất bản để xuất bản xuất bản phẩm điện tử; b) Xây dựng hệ thống thông tin dữ liệu đặc tả của xuất bản phẩm điện tử nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc tìm kiếm, truy nhập, quản lý và lưu trữ xuất bản phẩm điện tử; c) Ưu đãi về thuế đối với doanh nghiệp đầu tư phát triển nền tảng số để xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; d) Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nhân lực số cho lĩnh vực xuất bản, in, phát hành xuất bản phẩm".*

Lý do: Chuyển đổi số đang là nhiệm vụ vừa có tính cấp bách, vừa có tính chiến lược đối với sự phát triển hoạt động xuất bản. Ngoài chính sách ưu đãi với nhà xuất bản để xuất bản điện tử và xây dựng hệ thống hỗ trợ quản lý, việc bổ sung chính sách về ưu đãi với doanh nghiệp đầu tư phát triển nền tảng số và hỗ trợ đào tạo nhân lực số là rất quan trọng, cần thiết.

e. Hoàn thiện nội dung quy định về giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Bổ sung trách nhiệm của cơ quan quản lý, cơ quan chủ quản, các cơ quan chức năng liên quan và nhà xuất bản trong xem xét xử lý kiến nghị, phản ánh (Điều 9). Cụ thể: *"2. Việc giải quyết kiến nghị, phản ánh liên quan đến hoạt động*

[2] Chương trình đặt hàng xuất bản phẩm sử dụng ngân sách Nhà nước (giai đoạn 2017-2021 và 2022-2026) của Bộ Thông tin và Truyền thông; Đề án sách Trung ương đặt hàng và Đề án trang bị sách cho cơ sở xã, phường, thị trấn của NXB CTQGST; nội dung cung cấp xuất bản phẩm trong Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo thông tin…

xuất bản do cơ quan có thẩm quyền hoặc nhà xuất bản, cơ sở in, cơ sở phát hành thu lý, giải quyết."

Lý do: Bên cạnh giải quyết khiếu nại, tố cao, tình trạng đơn thư phản ánh, kiến nghị trong hoạt động xuất bản có xu hướng tăng lên do yêu cầu của người dân với các đơn vị xuất bản và cơ quan quản lý xuất bản ngày càng cao; đề cao vai trò, trách nhiệm của cơ quan quản lý, cơ quan chủ quản, các cơ quan chức năng liên quan và nhà xuất bản góp phần khôi phục lại những quyền và lợi ích chính đáng của công dân, mặt khác kịp thời phát hiện và xử lý những hành vi vi phạm pháp luật nhằm giữ gìn kỷ cương, trật tự tại cơ sở, tạo lòng tin của người dân vào cơ quan thực thi pháp luật việc bổ sung quy định về xem xét xử lý đơn thư, phản ánh là cần thiết.

f. Hoàn thiện nội dung về hành vi bị cấm

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Bỏ nội dung in nối bản, in giả khỏi các nội dung bị cấm *(điểm c khoản 2 Điều 10)*. Cụ thể: *"c) In lậu, ~~in giả, in nối bản trái phép~~ xuất bản phẩm"*.

Lý do: Hành vi in giả, in nối bản được xác định là nội hàm khái niệm in lậu; bỏ các nội dung "in giả" và "in nối bản" sẽ bảo đảm sự thống nhất về logic hình thức các điều trong Luật.

+ Bổ sung hành vi phát hành sản phẩm in lậu *(điểm d khoản 2 Điều 10)*. Cụ thể: *"d) Phát hành xuất bản phẩm không có nguồn gốc hợp pháp, xuất bản phẩm không nộp lưu chiểu, sản phẩm in lậu theo quy định khoản 13 Điều 4 Luật này".*

Lý do: Hiện nay, việc phát hiện chủ yếu nằm ở khâu phát hành lậu các sản phẩm từ in lậu. Do chưa có chế định nên hiện nay việc bắt và xử lý sản phẩm in lậu rất khó khăn, đặc biệt các sản phẩm dạng sách nhưng không thực hiện thông qua nhà xuất bản. Trên cơ sở khái niệm in lậu đã được giải thích và làm rõ, việc cấm phát hành các sản phẩm in lậu sẽ là chế định quan trọng giúp chế tài hành vi phát hành sách lậu, ngăn chặn có hiệu quả in lậu.

g. Hoàn thiện nội dung về hành vi vi phạm bị xử lý trong hoạt động xuất bản

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Bổ sung nội dung quy định các hành vi xâm phạm quy định pháp luật về an toàn, an ninh mạng bị xử lý *(khoản 5 Điều 12*). Cụ thể: *"5. Tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, vi phạm các quy định pháp luật về an toàn thông tin, an ninh mạng trong hoạt động xuất bản thì bị xử lý theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và an toàn thông tin, an ninh mạng".*

Lý do: Bổ sung hành vi bị xử lý gắn với việc vi phạm các quy định pháp luật về an ninh, an toàn thông tin nhằm tăng cường an toàn thông tin và bảo vệ bản quyền trên không gian mạng.

h. Hoàn thiện nội dung về phí

+ Bổ sung quy định về thu phí ISBN *(khoản 1 Điều 22)*. Cụ thể: *"1. Trước khi xuất bản tác phẩm, tài liệu hoặc tái bản xuất bản phẩm, nhà xuất bản phải đăng ký cấp mã ISBN theo mẫu quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ Thông tin và Truyền thông và nộp phí theo quy định. Nội dung đăng ký cấp mã ISBN phải phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản".*

Lý do: Bình quân hằng năm, toàn ngành đăng ký cấp khoảng 70.000 - 80.000 mã ISBN. Tuy nhiên, số lượng xuất bản phẩm được xuất bản chỉ khoảng 40.000 (chiếm từ 50-57%), tức là có khoảng 43-50% mã trả lại. Theo dự thảo, Luật Xuất bản sẽ bỏ thủ tục đăng ký xuất bản và chỉ thực hiện cấp mã ISBN trên cơ sở đăng ký của nhà xuất bản. Để nâng cao hiệu quả sử dụng kho số ISBN trong điều kiện kho số hiện nay còn rất hạn chế[3], với tổng số lượng còn lại khoảng 370.000 mã, không gây áp lực lên hệ thống quản lý, việc bổ sung quy định về nộp phí ISBN là cần thiết, đáp ứng thông lệ quốc tế[4].

+ Bổ sung quy định về thu phí thẩm định xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh *(khoản 7, Điều 41)*. Cụ thể: *"7. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết việc thẩm định xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh; Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức phí thẩm định nội dung xuất bản phẩm nhập khẩu".*

Lý do: Quy định hiện hành là chi phí dẫn đến trên thực tế, các cơ quan chức năng thẩm định xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh không có đủ kinh phí và nguồn lực để thẩm định xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh. Bên cạnh đó, xuất hiện hiện tượng một số tổ chức, cá nhân thực hiện nhập khẩu không kinh doanh nhưng thực chất đưa vào kinh doanh thông qua hệ thống cơ sở đào tạo, hội nghị, hội thảo. Việc làm này nhằm trốn nghĩa vụ nộp phí thẩm định đối với xuất bản phẩm kinh doanh (nếu thuộc trường hợp phải thẩm định). Thời gian tới, với sự phát triển của các nền tảng thương mại điện tử, hoạt động nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh ngày càng lớn, gây áp lực lên hoạt động quản lý, ảnh hưởng đến việc phục vụ nhu cầu của nhân dân. Vì thế, việc quy định phí

[3] Hiện tổng số kho số ISBN của Việt Nam do tổ chức ISBN thế giới cung cấp (bao gồm cả kho số mới bổ sung năm 2023) còn khoảng 300.000 mã (nguồn Cục Xuất bản, In và Phát hành - Bộ Thông tin và Truyền thông).

[4] Phí cấp ISBN ở Mỹ: khoảng 125 USD/01 ISBN, 295 USD/10 ISBN và 575 USD/100 ISBN; 1.500/1000 ISBN USD; ở Pháp: 20-30 Euro/01 ISBN; ở Đức: 30 Euro/01 ISBN, 250 Euro/10 ISBN; ở Trung Quốc: khoảng 50-100 nhân dân tệ/01 ISBN; ở Thái Lan: khoảng 1000 bath/01 ISBN (Số liệu do Tổ chức ISBN quốc tế cung cấp).

thẩm định đối với các xuất bản phẩm nhập khẩu không kinh doanh như đối với xuất bản phẩm kinh doanh là cần thiết.

B. Chính sách 2: nâng cao năng lực hoạt động của các nhà xuất bản, cơ sở in và phát hành, thực hiện chủ trương xây dựng ngành xuất bản thành ngành kinh tế - công nghệ phát triển toàn diện, vững chắc

1. Mục tiêu của chính sách

a. Khắc phục hạn chế về đối tượng thành lập nhà xuất bản nhằm tăng cường năng lực đầu tư, triển khai công nghệ của cơ quan chủ quản đối với nhà xuất bản trực thuộc, qua đó nâng cao năng lực hoạt động của nhà xuất bản, đáp ứng yêu cầu của chuyển đổi số.

b. Khắc phục hạn chế về điều kiện thành lập nhà xuất bản nhằm bảo đảm việc thành lập nhà xuất bản tuân thủ quy hoạch cả nước của Chính phủ và quy hoạch của các địa phương.

c. Khắc phục hạn chế về sự thiếu thống nhất giữa các quy định của Đảng và Luật Xuất bản, về công tác cán bộ trong lĩnh vực xuất bản, hoàn thiện các tiêu chuẩn Giám đốc, Tổng giám đốc, Tổng biên tập, biên tập viên nhà xuất bản, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của các nhà xuất bản.

d. Khắc phục hạn chế về thực hiện trách nhiệm của chủ quản trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đầu tư đặt hàng xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị cho nhà xuất bản và xác định trách nhiệm của chủ quản trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về nhà xuất bản.

đ. Khắc phục các hạn chế về quản lý liên kết xuất bản nhằm giải phóng năng lực sản xuất, tăng cường chủ động của nhà xuất bản và đơn vị liên kết, nâng cao hiệu quả kinh tế xuất bản.

e. Khắc phục hạn chế về tính khả thi trong quản lý quảng cáo trên xuất bản phẩm điện tử nhằm thu hút nguồn lực xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản.

f. Khắc phục hạn chế về đầu tư vào lĩnh vực in xuất bản phẩm trên nguyên tắc vừa thu hút nguồn lực đầu tư và công nghệ nước ngoài, vừa bảo vệ thị trường thực hiện hiện đại hóa các cơ sở in xuất bản phẩm, tham gia nhanh vào chuỗi cung ứng toàn cầu.

g. Khắc phục hạn chế về việc thiếu quy định thành lập chi nhánh cơ sở in xuất bản phẩm; tình trạng một số cơ sở in sau cấp giấy phép nhưng không hoạt động hoặc duy trì đủ điều kiện nhưng vẫn tiếp tục hoạt động, gây khó khăn cho công tác quản lý, tạo ra một thị trường cạnh tranh thiếu lành mạnh, ảnh hưởng sự phát triển bền vững của ngành in, là điều kiện phát sinh hiện tượng in lậu (Điều 32).

h. Khắc phục hạn chế về việc quản lý đối tượng là doanh nghiệp cung cấp

dịch vụ trung gian (nền tảng số trung gian) trong hoạt động phát hành xuất bản phẩm nhằm bảo đảm lành mạnh hóa thị trường, thúc đẩy thương mại điện tử trong hoạt động phát hành xuất bản phẩm.

2. Nội dung của chính sách

a. Hoàn thiện nội dung quy định về đối tượng thành lập nhà xuất bản, cho phép doanh nghiệp có quy mô, lĩnh vực hoạt động phù hợp được phép thành lập nhà xuất bản (Điều 12).

b. Hoàn thiện nội dung quy định về điều kiện thành lập, bổ sung tuân thủ quy hoạch cả nước của Chính phủ và quy hoạch của các địa phương vào điều kiện thành lập (Điều 13).

c. Hoàn thiện nội dung quy định về tiêu chuẩn giám đốc, tổng giám đốc, tổng biên tập, biên tập viên nhà xuất bản, thống nhất với quy định của Đảng (Điều 17).

d. Hoàn thiện nội dung quy định về trách nhiệm của chủ quản trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bổ sung trách nhiệm đầu tư đặt hàng xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị cho nhà xuất bản và xác định trách nhiệm của chủ quản trong giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về nhà xuất bản (Điều 16).

đ. Hoàn thiện nội dung quản lý liên kết xuất bản, mở rộng đối tượng và nội dung liên kết là doanh nghiệp cung cấp nền tảng trung gian phát hành và liên kết cung cấp nền tảng trung gian phát hành; bỏ các quy định không phù hợp trong liên kết như: biên tập sơ bộ, hợp đồng liên kết phải tuân thủ theo mẫu và những nội dung hạn chế trong liên kết (Điều 23).

e. Hoàn thiện nội dung quy định về quản lý quảng cáo, bổ sung quy định về quản lý quảng cáo trên xuất bản phẩm điện tử nhằm thu hút nguồn lực xã hội, đẩy mạnh chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản (Điều 30).

f. Hoàn thiện nội dung quy định về đầu tư vào lĩnh vực in xuất bản, mở rộng cho phép đầu tư FDI vào lĩnh vực in nhưng có giới hạn về tỷ lệ đầu tư nhằm vừa thu hút nguồn lực, vừa bảo vệ và phát triển doanh nghiệp trong nước (Điều 32).

g. Hoàn thiện nội dung quy định về giấy phép hoạt động của cơ sở in xuất bản phẩm; bổ sung quy định về thành lập chi nhánh cơ sở in xuất bản phẩm; quy định về thời hạn giấy phép nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, rà soát sắp xếp lại các cơ sở in theo hướng tinh gọn, chất lượng và hiện đại hoá, hạn chế tình trạng cạnh tranh thiếu lành mạnh của các cơ sở in không đủ điều kiện hoạt động (Điều 32).

h. Hoàn thiện nội dung quy định về quản lý doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian (nền tảng số trung gian) trong hoạt động phát hành xuất bản phẩm nhằm, đưa các doanh nghiệp này vào đối tượng quản lý nhằm bảo đảm sự phát triển lành mạnh của thị trường, thúc đẩy thương mại điện tử trong hoạt động phát hành xuất bản phẩm phát triển (Điều 44b).

3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn

a. Hoàn thiện nội dung quy định về đối tượng thành lập nhà xuất bản

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Sửa đổi quy định về đối tượng thành lập, bổ sung đối tượng thành lập là doanh nghiệp *(điểm a khoản 1 Điều 12)*. Cụ thể: *"a) Cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương và cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước do Chính phủ quy định"*.

Lý do: Hiện nay, các đối tượng thành lập theo quy định (cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, hội chính trị - xã hội - nghề nghiệp) do những quy định về đầu tư ngân sách và quản lý tài sản công nên có nhiều hạn chế về nguồn lực đầu tư. Việc cho phép một bộ phận doanh nghiệp nhà nước tham gia sẽ mở ra cơ hội đầu tư để đẩy nhanh quá trình hiện đại hóa và chuyển đổi số của ngành. Tuy nhiên, do xuất bản là lĩnh vực tư tưởng - văn hoá nên việc đưa doanh nghiệp nhà nước thành đối tượng thành lập và cơ quan chủ quản nhà xuất bản cần có quy định chặt chẽ với các tiêu chí cụ thể để triển khai hiệu quả, tránh tình trạng lạm dụng, buông lỏng quản lý. Theo quan điểm của Bộ Thông tin và Truyền thông, các doanh nghiệp này phải là công ty tập đoàn của nhà nước (Viettel, VTC) hoặc công ty mẹ của các tập đoàn kinh tế lớn do nhà nước là chủ sở hữu, hoạt động trong lĩnh vực công nghệ, thông tin và truyền thông gắn với yêu cầu chuyển đổi số trong hoạt động xuất bản.

b. Hoàn thiện nội dung về điều kiện thành lập

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Sửa đổi quy định về điều kiện thành lập, bổ sung điều kiện thành lập phải phù hợp quy hoạch *(khoản 4, Điều 13)*. Cụ thể: *"4. Phù hợp với quy hoạch, chiến lược, kế hoạch và chính sách của Nhà nước về phát triển hoạt động xuất bản"*.

Lý do: Theo Luật quy hoạch, Chính phủ hiện giao cho các bộ, ngành, địa phương xây dựng quy hoạch. Vì thế, việc bổ sung điều kiện này là cần thiết, tạo sự thống nhất với các quy định của Luật quy hoạch, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của hoạt động xuất bản.

c. Hoàn thiện nội dung về tiêu chuẩn bổ nhiệm

Sửa đổi, bổ sung nội dung quy định về tiêu chuẩn chính trị, tiêu chuẩn chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước cho giám đốc, tổng giám đốc, tổng biên tập, biên tập viên nhà xuất bản (điểm b khoản 1; điểm a khoản 2 Điều 17); sửa đổi, bổ sung nội dung kinh nghiệm quản lý theo hướng giảm thời gian và

mở rộng lĩnh vực hoạt động được xem xét có kinh nghiệm (điểm c khoản 1; Điểm b khoản 2 Điều 17); bổ sung quy định hạn chế người đứng đầu cơ quan chủ quản nhà xuất bản không được kiêm giữ chức vụ người đứng đầu nhà xuất bản; lãnh đạo nhà xuất bản này không được kiêm giữ chức vụ lãnh đạo nhà xuất bản khác (khoản 4 Điều 17). Cụ thể:

"1. Tiêu chuẩn đối với tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản:

b) Có trình độ đại học trở lên; có trình độ lý luận chính trị cao cấp và chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về xuất bản;

c) Có ít nhất 02 năm làm một trong các công việc biên tập, quản lý xuất bản hoặc báo chí; chỉ đạo, quản lý tại cơ quan chủ quản nhà xuất bản

2. Tiêu chuẩn đối với tổng biên tập nhà xuất bản

a) Có trình độ lý luận chính trị cao cấp; chứng chỉ hành nghề biên tập, chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý nhà nước về xuất bản;

b) Có ít nhất 02 năm làm một trong các công việc biên tập, quản lý, xuất bản hoặc báo chí, chỉ đạo quản lý tại cơ quan chủ quản nhà xuất bản.

4. Người đứng đầu cơ quan chủ quản nhà xuất bản không được kiêm giữ chức vụ người đứng đầu nhà xuất bản; lãnh đạo nhà xuất bản này không được kiêm giữ chức vụ lãnh đạo nhà xuất bản khác.".

Lý do: Thống nhất với Quy định 100-QĐ/TW ngày 28/02/2023 về bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo nhà xuất bản.

d. Hoàn thiện nội dung về nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chủ quản nhà xuất bản

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Sửa đổi, bổ sung nội dung quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của chủ quản trong quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự lãnh đạo nhà xuất bản; đặt hàng, giao nhiệm vụ xuất bản xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị của cơ quan chủ quản cho nhà xuất bản trực thuộc; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị; khen thưởng, kỷ luật của nhà xuất bản trực thuộc (khoản 3, 4, 5 Điều 16). Cụ thể:

"Điều 16. Nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chủ quản nhà xuất bản

3. Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự lãnh đạo nhà xuất bản.

4. Chỉ đạo việc thực hiện tôn chỉ, mục đích, phương hướng hoạt động của nhà xuất bản; giám sát nhà xuất bản thực hiện đúng giấy phép thành lập nhà xuất bản; đặt hàng, giao nhiệm vụ xuất bản xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị của cơ quan chủ quản cho nhà xuất bản trực thuộc;

5. Thanh tra, kiểm tra hoạt động của nhà xuất bản; giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị; khen thưởng, kỷ luật của nhà xuất bản theo thẩm quyền".

Lý do: Đối với việc bổ sung nhiệm vụ quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nhân sự lãnh đạo: thời gian qua, hiện tượng thiếu hụt nhân sự lãnh đạo nhà xuất bản diễn ra ở nhiều nhà xuất bản, ảnh hưởng đến hoạt động ổn định của nhà xuất bản. Trong các nguyên nhân có nguyên nhân từ sự thiếu quan tâm, đầu tư, quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng nhân sự lãnh đạo. Việc luật hoá sẽ khắc phục hạn chế này.

Đối với việc bổ sung thêm trách nhiệm chủ quản đầu tư thông qua việc giao nhiệm vụ và đặt hàng xuất bản phẩm phục vụ nhiệm vụ chính trị của cơ quan chủ quản cho nhà xuất bản, việc luật hoá nhiệm vụ này của cơ quan chủ quản sẽ góp phần quan trọng để tăng cường trách nhiệm chủ quản, tạo điều kiện nhà xuất bản thực hiện tốt tôn chỉ mục đích, ổn định hoạt động, giữ vững định hướng, tích luỹ nguồn lực để phát triển.

Đối với việc bổ sung nhiệm vụ giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị; khen thưởng, kỷ luật của nhà xuất bản theo thẩm quyền nhằm thống nhất với Luật khiếu nại, tố cáo và cũng như yêu cầu xử lý đơn thư phản ánh liên quan đến nhà xuất bản theo các quy định chung về phân cấp quản lý nhà nước.

đ. Hoàn thiện nội dung về liên kết xuất bản

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Sửa đổi, bổ sung nội dung quản lý liên kết xuất bản, bổ sung đối tượng liên kết với nhà xuất bản là các cơ sở cung cấp nền tảng trung gian phát hành nội dung liên kết là cung cấp nền tảng trung gian phát hành (điểm b khoản 1; điểm d khoản 2 Điều 23); bỏ nội dung hợp đồng liên kết phải theo mẫu (điểm b, khoản 2 Điều 23) và cho phép liên kết biên tập mọi loại tác phẩm, tài liệu trên cơ sở bỏ nội dung liên kết biên tập sơ bộ và các loại tác phẩm, tài liệu không được phép liên kết biên tập sơ bộ (điểm b khoản 2 và khoản 4 Điều 23). Cụ thể:

"1. Nhà xuất bản được liên kết với tổ chức, cá nhân (gọi chung là đối tác liên kết) sau đây để xuất bản đối với từng xuất bản phẩm:

b) Nhà xuất bản, cơ sở in xuất bản phẩm, cơ sở phát hành xuất bản phẩm; cơ sở cung cấp nền tảng trung gian phát hành.

2. Hình thức liên kết của nhà xuất bản với đối tác liên kết bao gồm:

b) Biên tập bản thảo ~~sơ bộ~~;

đ) Cung cấp nền tảng trung gian phát hành

3. Việc liên kết chỉ được thực hiện khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Có văn bản chấp thuận của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ đối với tác phẩm, tài liệu được liên kết xuất bản;

b) Có hợp đồng liên kết xuất bản giữa nhà xuất bản và đối tác liên kết. ~~Hợp đồng liên kết phải có các nội dung cơ bản theo quy định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông~~

c) Trường hợp liên kết biên tập ~~sơ bộ~~ bản thảo, ngoài việc phải có đủ điều kiện quy định tại điểm a và điểm b khoản này, đối tác liên kết phải có biên tập viên

~~4. Đối với tác phẩm, tài liệu có nội dung về lý luận chính trị, lịch sử, tôn giáo, chủ quyền quốc gia, hồi ký thì nhà xuất bản không được liên kết biên tập sơ bộ bản thảo.".~~

Lý do: Đối với việc bổ sung đối tượng liên kết với nhà xuất bản là các cơ sở cung cấp nền tảng trung gian phát hành và nội dung liên kết là cung cấp nền tảng trung gian phát hành, việc bổ sung như trên phù hợp, thống nhất với việc đưa vào quy định của Luật Xuất bản nội dung quản lý các cơ sở cung cấp nền tảng trung gian phát hành và hoạt động cung cấp nền tảng trung gian phát hành.

Đối với việc bỏ nội dung liên kết theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định là không cần thiết do hoạt động liên kết là hoạt động kinh tế thực hiện theo các quy định chung về hợp đồng kinh tế.

Đối với việc bỏ nội dung liên kết sơ bộ và các loại tác phẩm, tài liệu về lý luận chính trị, lịch sử, tôn giáo, chủ quyền quốc gia, hồi ký nhà xuất bản không được phép liên kết biên tập sơ bộ vì việc quy định biên tập sơ bộ không thực tiễn, khó định lượng biên tập sơ bộ, trong khi đó, trách nhiệm xuất bản và trách nhiệm nội dung vẫn thuộc về giám đốc và tổng biên tập nhà xuất bản.

e. Hoàn thiện nội dung về quảng cáo và thông tin trên xuất bản phẩm

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

- Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý quảng cáo, bổ sung quy định về quản lý quảng cáo trên xuất bản phẩm điện tử với quy định giới hạn về dung lượng và thời lượng (khoản 3 Điều 30) Cụ thể: *"3. Việc quảng cáo trên xuất bản phẩm điện tử thực hiện theo quy định sau đây: a) Không quảng cáo trên sách điện tử trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này. b) Sách nói, sách dạng video được quảng cáo với thời lượng không được vượt quá 5% tổng thời lượng cuốn sách."*

- Sửa đổi, bổ sung quy định về thông tin trên xuất phẩm, mở rộng quyền chủ động của đơn vị xuất bản. (khoản 4 Điều 27) Cụ thể: "4. Tổng giám đốc (giám đốc) nhà xuất bản *quyết định việc ghi các thông tin khác với quy định của điểm a khoản 1 tại vị trí bìa một cuốn sách.*

Lý do:

- Hiên nay, việc không cho phép quảng cáo trên xuất bản phẩm in và xuất bản phẩm điện tử dưới định dạng cho phép người sử dụng đọc như sách in là phù hợp vì sách là sản phẩm truyền bá tri thức, có giá trị lưu truyền và đây cũng là một quy định có tính phổ quát ở nhiều nước trên thế giới. Việc quảng cáo chỉ nên dành riêng cho các ấn phẩm phục vụ quảng cáo trong bản ghi âm, ghi hình chương trình văn hoá, nghệ thuật, điện ảnh, bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách theo quy định của Luật quảng cáo[5] là phù hợp, tạo điều kiện thu hút thêm nguồn lực đẩy nhanh chuyển đổi số, phát triển xuất bản điện tử.

- Việc giao quyền chủ động cho giám đốc nhà xuất bản là đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập.

f. Hoàn thiện nội dung về đầu tư nước ngoài vào in xuất bản phẩm

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Sửa đổi, bổ sung quy định về hạn chế đầu tư vào lĩnh vực in xuất bản phẩm, mở rộng cho phép đầu tư FDI vào lĩnh vực in nhưng có giới hạn về tỷ lệ đầu tư nhằm vừa thu hút nguồn lực, vừa bảo vệ và phát triển doanh nghiệp trong nước theo hướng bỏ quy định về điều kiện người đứng đầu cơ sở in phải là công dân Việt Nam nhưng cơ sở in có vốn đầu tư nước ngoài có tỷ lệ vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không chiếm tỷ lệ chi phối (điểm a, c khoản 1 Điều 32). Cụ thể: "1. Điều kiện để cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm bao gồm: a) Người đứng đầu cơ sở in thường trú *hợp pháp* tại Việt Nam, *có năng lực hành vi dân sự đầy đủ*, có nghiệp vụ quản lý hoạt động in xuất bản phẩm và đáp ứng các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật; *c. Cơ sở in có vốn đầu tư nước ngoài, vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá tỷ lệ chi phối theo quy định của pháp luật về đầu tư;"*

Lý do: Theo Quyết định 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông giai đoạn 2020 - 2025[6], việc mở rộng cho phép đầu tư nước ngoài vào in xuất bản phẩm đã được đặt ra. Trên thực tế, việc mở rộng cho phép đầu tư nước ngoài với giới hạn tỷ lệ góp vốn sẽ một mặt thu hút nguồn lực đầu tư lớn

[5] Điều 26 Luật Quảng cáo quy định: "Thời lượng quảng cáo trong bản ghi âm, ghi hình chương trình văn hoá, nghệ thuật, điện ảnh, bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách không được vượt quá 5% tổng thời lượng nội dung chương trình".

[6] "3. Thủ tục hành chính 3: Thủ tục Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (thủ tục hành chính trung ương và địa phương) a) Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa: - Bỏ thành phần hồ sơ chứng minh *"Chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân Việt Nam"* tại yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính để tương ứng với đề xuất cắt giảm điều kiện kinh doanh *"Chủ sở hữu là tổ chức, cá nhân Việt Nam"."*.

vào lĩnh vực in, mặt khác tạo cơ hội để doanh nghiệp in trong nước liên doanh, liên kết kinh doanh, thu hút vốn và công nghệ để hiện đại hoá ngành in.

g. Hoàn thiện nội dung quy định về giấy phép hoạt động của chi nhánh cơ sở in xuất bản phẩm; quy định bổ sung thời hạn giấy phép (Điều 31, Điều 32)

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Bổ sung khoản 1 Điều 31: *"1. Cơ sở in xuất bản phẩm là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, chi nhánh của các loại hình này và hộ kinh doanh trực tiếp thực hiện đầy đủ hoặc từng công đoạn chế bản, in và gia công sau in xuất bản phẩm"* và điểm c, khoản 3 Điều 32: *"c) Đối với các cơ sở in ở địa phương là chi nhánh có thực hiện chế bản, in, gia công sau in đặt ở tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác ngoài tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt chi nhánh thực hiện cấp giấy phép hoạt động in"*

+ Sửa đổi khoản 5 Điều 32 với nội dung mới *"5. Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm có thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp và được gia hạn mỗi lần không quá 05 năm".*

Lý do:

Đối với bổ sung nội dung về chi nhánh cơ sở in, thực tế việc thành lập chi nhánh là đòi hỏi khách quan. Luật Xuất bản 2012 không bao quát hết, vì thế không có quy định về nội dung này. Việc quy định như trên cho phép cơ sở in hoạt động hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị và ngành.

Đối với việc bổ sung quy định về thời hạn giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm: Luật Xuất bản 2012 không quy định về thời hạn giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm. Vì thế đã xuất hiện tình trạng, nhiều cơ sở in đã được cấp giấy phép nhưng không còn hoạt động, không đủ điều kiện hoạt động. Việc bổ sung quy định cấp giấy phép nhằm tăng cường quản lý, rà soát chặt chẽ các cơ sở in, nhất là các cơ sở in quy mô nhỏ, công nghệ hạn chế, từ đó góp phần vào việc quản lý, ngăn chặn hiện tượng in lậu, tạo thị trường in lành mạnh, tham gia bảo vệ bản quyền, góp phần thúc đẩy ngành xuất bản phát triển.

h. Bổ sung nội dung quản lý cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian (nền tảng số trung gian) trong hoạt động phát hành xuất bản phẩm nhằm đưa các doanh nghiệp này vào đối tượng quản lý, bảo đảm sự phát triển lành mạnh của thị trường xuất bản phẩm (Điều 44b). Cụ thể:

"Điều 44b. Cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm trong suốt quá trình hoạt động phải bảo đảm các điều kiện sau:

a) Có giấy xác nhận đăng ký cung cấp nền tảng số trung gian phát hành xuất bản phẩm.

b) Chỉ cung cấp dịch vụ cho các tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện phát hành xuất bản phẩm theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 36 Luật này.

c) Tuân thủ các quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ, an toàn an ninh mạng, công nghệ thông tin, thương mại điện tử, giao dịch điện tử và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Trước khi hoạt động cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm phải lập hồ sơ đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc trực tiếp hoặc qua đường bưu chính đến Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định thủ tục, hồ sơ đăng ký hoạt động cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm.".

Lý do: Thống nhất quan điểm đưa cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành vào quản lý theo Luật Xuất bản nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý hiện nay khi cơ sở trung gian cung cấp dịch vụ phát hành xuất bản phẩm ngày càng giữ vai trò quan trọng, trở thành kênh phát hành chủ yếu. Tuy nhiên, do thiếu các quy định pháp lý dẫn đến nhiều cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm đã không có các giải pháp quản lý phù hợp để ngăn chặn các đối tượng không đăng ký nhưng kinh doanh hoạt động phát hành trên các nền tảng, cũng như hành vi lợi dụng nền tảng để bán sách lậu, vi phạm bản quyền. Ngoài ra việc đưa vào quản lý còn là giải pháp quản lý đối với các nền tảng xuyên biên giới trong hoạt động này.

C. Chính sách 3: Cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất bản, in và phát hành

1. Mục tiêu của chính sách

a. Khắc phục hạn chế quy định hiện hành, bổ sung hoàn thiện các quy định về phân cấp quản lý văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài

b. Khắc phục hạn chế quy định hiện hành, bổ sung, hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất bản theo hướng đơn giản hoá thủ tục, giảm thời gian, đơn giản hóa thành phần hồ sơ.

c. Khắc phục hạn chế quy định hiện hành, bổ sung, hoàn thiện các quy định

về thủ tục hành chính trong lĩnh vực in xuất bản phẩm theo hướng đơn giản hoá thủ tục, giảm thời gian, đơn giản hóa thành phần hồ sơ.

d. Khắc phục hạn chế quy định hiện hành, bổ sung, hoàn thiện các quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực phát hành xuất bản phẩm theo hướng đơn giản hoá thủ tục, giảm thời gian, đơn giản hóa thành phần hồ sơ.

2. Nội dung của chính sách

a. Hoàn thiện các quy định về phân cấp quản lý văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài.

b. Hoàn thiện nội dung quy định về cấp, cấp đổi giấy phép thành lập, thu hồi và đình chỉ hoạt động của nhà xuất bản; chứng chỉ hành nghề biên tập; cấp giấy phép tài liệu không kinh doanh; đăng ký xuất bản và nộp lưu chiểu xuất bản phẩm và nộp xuất bản phẩm cho thư viện.

c. Hoàn thiện nội dung quy định về cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, In gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân in xuất bản phẩm thực hiện các thủ tục nhanh chóng, hiệu quả, giảm chi phí phát sinh.

d. Hoàn thiện nội dung quy định về cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; Đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh; Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, triển lãm, hội chợ nhằm tạo điều kiện cho tổ chức, cá nhân tham gia phát hành xuất bản phẩm thực hiện các thủ tục nhanh chóng, hiệu quả, giảm chi phí phát sinh.

3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn

a. Hoàn thiện nội dung quy định về thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của nhà xuất bản nước ngoài, của tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8,: *"1. Nhà xuất bản nước ngoài, tổ chức phát hành xuất bản phẩm nước ngoài (bao gồm doanh nghiệp, tổ chức được thành lập tại nước ngoài hoạt động đa ngành nghề, đa lĩnh vực trong đó có xuất bản, phát hành xuất bản phẩm) được thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam sau khi được ~~Bộ Thông tin và Truyền thông~~ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép".*

Lý do: Thực hiện phân cấp đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, nâng cao năng lực, hiệu quả cơ quan quản lý.

b. Hoàn thiện nội dung quy định về cấp, cấp đổi giấy phép thành lập, thu hồi và đình chỉ hoạt động của nhà xuất bản; chứng chỉ hành nghề biên tập; cấp giấy phép tài liệu không kinh doanh; đăng ký xuất bản và nộp lưu chiểu xuất bản

phẩm và nộp xuất bản phẩm cho thư viện.

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Giảm thời gian cấp, cấp đổi giấy phép thành lập nhà xuất bản từ 30 ngày xuống 15 ngày làm việc (khoản 2 Điều 14, khoản 3 Điều 15). Cụ thể:

(1) Sửa khoản 2 Điều 14: *"2. Trong thời hạn ~~30~~ 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông phải cấp giấy phép thành lập nhà xuất bản; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do".*

(2) Sửa khoản 3 Điều 15: *"3. Trong thời hạn ~~15~~ 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông phải cấp đổi giấy phép; trường hợp không cấp đổi giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do".*

Lý do: Thông qua việc thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử và giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 30 ngày làm việc xuống còn 15 ngày làm việc, giúp tổ chức tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

+ Giảm thời gian cấp chứng chỉ hành nghề biên tập từ 15 ngày xuống 10 ngày làm việc (khoản 2 Điều 20) và thời gian biên tập viên bị thu hồi từ 2 năm xuống còn 01 năm (12 tháng) (khoản 4 Điều 20). Cụ thể:

(1) Sửa khoản 2 Điều 20: *"2. Trong thời hạn ~~15~~ 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp chứng chỉ hành nghề biên tập; trường hợp không cấp chứng chỉ phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do".*

(2) Sửa khoản 4 Điều 20 *"4. Biên tập viên có chứng chỉ hành nghề biên tập bị thu hồi thì sau ~~02~~ 01 năm (12 tháng) mới được xét cấp lại, trừ trường hợp biên tập viên bị kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật của tòa án về các tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng, các tội xâm phạm an ninh quốc gia.".*

Lý do: Thông qua việc thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử và giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc, giúp tổ chức tiết kiệm thời gian, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính. Ngoài ra việc giảm thời gian chứng chỉ bị thu hồi được xem xét cấp lại từ 2 năm (24 tháng) xuống còn 01 năm (12 tháng) là phù hợp, thống nhất với các quy định tương tự về việc thu hồi thẻ phóng viên của Luật Báo chí hiện nay.

+ Bỏ thủ tục đăng ký và cấp đăng ký xuất bản; giữ lại một phần thủ tục trong đăng ký xuất bản để chyển thành thủ tục đăng ký và cấp mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN) (Điều 22). Cụ thể: *"Điều 22. Cấp mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (ISBN)*

1. Trước khi xuất bản tác phẩm, tài liệu hoặc tái bản xuất bản phẩm, nhà xuất bản phải đăng ký cấp mã số sách tiêu chuẩn quốc tế ISBN theo mẫu quy định qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ Thông tin và Truyền thông và nộp phí theo quy định. Nội dung đăng ký cấp mã số ISBN phải phù hợp với tôn chỉ, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của nhà xuất bản.

2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đăng ký cấp mã số ISBN, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp mã số ISBN đối với từng tên xuất bản phẩm; trường hợp không ~~xác nhận~~ cấp mã số ISBN phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.

3. Đối với xuất bản phẩm đã được cấp mã số ISBN mà có thay đổi thông tin về số lượng in nhưng không thay đổi chủ đề nội dung, tác giả, đối tác liên kết thì nhà xuất bản được tiếp tục sử dụng mã số ISBN đã cấp và phải thông báo về Bộ Thông tin và Truyền thông".

Lý do: Về cấp giấy xác nhận đăng ký xuất bản được quy định tại Điều 22 Luật Xuất bản. Thời gian qua, bình quân hằng năm, Cục Xuất bản, In và Phát hành Bộ Thông tin và Truyền thông cấp khoảng 75.000 – 80.000 đăng ký xuất bản kèm theo mã số ISBN, gây sức ép lên cơ quan quản lý trong triển khai thủ tục. Việc bỏ thủ tục này và chỉ giữ lại nội dung cấp đăng ký mã số ISBN (hiện nay do phần mềm quản lý cấp tự động, cơ quan quản lý căn cứ xử lý dữ liệu của phần mềm để cung cấp cho nhà xuất bản đăng ký mã số ISBN) là cần thiết, giảm áp lực lên cơ quan quản lý. Mặt khác, việc bỏ thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký cũng đáp ứng tốt hơn yêu cầu hội nhập với thế giới.

+ Giảm số lượng bản thảo tài liệu nộp để thẩm định và giảm thời gian thẩm định đối với thủ tục cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (khoản 4, khoản 5 Điều 25). Cụ thể:

(1) Sửa khoản 4 Điều 25: *"4. Cơ quan, tổ chức đề nghị cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh lập hồ sơ gửi cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản quy định tại khoản 1 Điều này qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc qua hệ thống bưu chính và nộp phí thẩm định nội dung tài liệu để cấp giấy phép. Hồ sơ bao gồm:*

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép;

b) ~~Ba~~ Hai bản thảo tài liệu; trường hợp tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải kèm theo bản dịch bằng tiếng Việt; trường hợp tài liệu để xuất bản điện tử, phải lưu toàn bộ nội dung vào thiết bị số; trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến thì bản thảo phải được định dạng điện tử có chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị cấp phép xuất bản.

(2) Sửa khoản 5 Điều 25: *"5. Trong thời hạn ~~15~~ 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản quy định tại khoản 1 Điều này phải cấp giấy phép xuất bản, đóng dấu vào hai bản thảo tài liệu và lưu lại một bản, một bản trả lại cho tổ chức để nghị cấp phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do; trường hợp".*

Lý do: Về cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh được quy định tại Điều 25 Luật Xuất bản, thông qua việc giảm thành phần hồ sơ: *"Ba bản thảo tài liệu"* xuống còn *"hai bản thảo tài liệu"*; thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử; giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính từ 15 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà xuất bản và đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp cho cá nhân, tổ chức tiết kiệm thời gian thực hiện và giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

+ Đơn giản hoá, cho phép phát hành ngay sau khi hoàn thành thủ tục nộp lưu chiểu, giảm số lượng và bỏ một số loại hình xuất bản phẩm không phải nộp lưu chiểu (khoản 1 Điều 28). Cụ thể: *"1. ~~Tất cả~~ Xuất bản phẩm phải nộp lưu chiểu cho cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản ~~chậm nhất là 10 ngày trước khi phát hành~~. Sau khi hoàn thành việc nộp lưu chiểu, nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh quyết định thời điểm phát hành xuất bản phẩm. Việc nộp lưu chiểu xuất bản phẩm được thực hiện theo quy định sau đây:*

a) Nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép xuất bản phải nộp ~~ba~~ hai bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông; đối với xuất bản phẩm điện tử, nhà xuất bản, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản thực hiện nộp lưu chiểu thông qua thiết bị lưu trữ di động và có trách nhiệm lưu giữ xuất bản phẩm lưu chiểu trên nền tảng công nghệ xuất bản điện tử của nhà xuất bản tối thiểu trong 24 tháng.

b) Cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xuất bản phải nộp hai bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ~~đối với sách in và một bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông; trường hợp số lượng in dưới ba trăm bản thì nộp một bản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, một bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông; đ~~ối với xuất bản phẩm điện tử, cơ quan, tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép xuất bản nộp xuất bản phẩm lưu chiểu thông qua thiết bị lưu trữ di động.

c) Đối với xuất bản phẩm tái bản ~~không sửa chữa, bổ sung thì nộp một bản cho Bộ Thông tin và Truyền thông; trường hợp~~ có sửa chữa, bổ sung thì thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này; đối với xuất bản phẩm được in tại nhiều nhà in thì thực hiện nộp lưu chiểu theo quy định tại điểm a khoản này".

Lý do: Về nộp xuất bản phẩm lưu chiểu được quy định tại Điều 28 Luật Xuất bản, thông qua việc bãi bỏ quy định *xuất bản phẩm phải nộp lưu chiểu chậm nhất là 10 ngày trước khi phát hành*" và thay thế bằng "*sau khi hoàn thành việc nộp lưu chiểu, nhà xuất bản, cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh quyết định thời điểm phát hành xuất bản phẩm*"; đồng thời giảm số bản lưu chiểu từ ba bản xuống hai bản; bỏ nộp lưu chiểu đối với sách tái bản không sửa chữa, bổ sung và các xuất bản phẩm như lịch, tranh, ảnh… nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhà xuất bản và đơn giản hóa cách thức thực hiện, giúp cho tổ chức tiết kiệm thời gian thực hiện và giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

c. Hoàn thiện nội dung quy định về cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, In gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính đối với việc cấp, cấp đổi, cấp lại, thu hồi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm, in gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài. Cụ thể:

(1) Giảm thời gian cấp giấy phép hoạt động cơ sở in xuất bản phẩm từ 15 ngày xuống 10 ngày làm việc (khoản 4 Điều 32): *"4. Trong thời hạn ~~15 ngày~~ 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản quy định tại khoản 3 Điều này phải cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do".*

(2) Chuyển thủ tục hành chính từ cấp phép in gia công xuất bản phẩm sang thủ tục xác nhận đăng ký in xuất khẩu xuất bản phẩm và giảm thời gian cấp giấy xác nhận (khoản 4 Điều 33): *"4. Trong thời hạn ~~10~~ 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh phải cấp giấy xác nhận đăng ký in xuất khẩu xuất bản phẩm, đóng dấu vào hai bản mẫu và gửi trả lại cơ sở in một bản; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký in xuất khẩu phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ nộp qua dịch vụ công trực tuyến, bản mẫu gửi cơ sở in phải được định dạng điện tử có chữ ký số của cơ quan quản lý nhà nước."*

Lý do: Thực hiện Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ, thông qua việc thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử và giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

+ Giảm điều kiện và đơn giản hoá thành phần hồ sơ cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm; gộp thủ tục hành chính cấp đổi và cấp lại; giảm đơn giản hoá hồ sơ xác nhận đăng ký in xuất khẩu xuất bản phẩm. Cụ thể:

(1) Bỏ điều kiện về an ninh trật tự, vệ sinh môi trường theo quy định pháp luật; đồng thời bỏ thành phần giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh - trật tự, vệ sinh môi trường do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (điểm c, khoản 1; điểm e khoản 2 Điều 32).

(2) Gộp 02 thủ tục hành chính gồm cấp lại và cấp đổi giấy phép hoạt động in thành 01 thủ tục hành chính (khoản 6 Điều 32). Cụ thể: *"Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm được cấp lại trong trường hợp sau: a) Bị mất hoặc bị hư hỏng, hết hạn; b) Có một trong các thay đổi về tên gọi của cơ sở in; địa chỉ trụ sở chính, chi nhánh của cơ sở in, loại hình tổ chức hoạt động của cơ sở in; thành lập hoặc giải thể chi nhánh của cơ sở in."*.

(3) Đơn giản hoá hồ sơ cấp xác nhận đăng ký in xuất khẩu xuất bản phẩm, cho phép nộp trực tuyến bản mẫu in (khoản 3 Điều 34): *"3. Trước khi in xuất bản phẩm, cơ sở in phải lập hồ sơ đăng ký in xuất khẩu xuất bản phẩm qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc qua hệ thống bưu chính đến Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ đăng ký gồm:*

a) Đơn đăng ký ~~đề nghị cấp giấy phép~~ in gia công xuất khẩu xuất bản phẩm ~~cho tổ chức, cá nhân nước ngoài~~ theo mẫu quy định;

b) Hai bản mẫu xuất bản phẩm đặt in; trường hợp nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến, bản mẫu phải được định dạng điện tử có chữ ký số của thủ trưởng cơ quan, tổ chức đề nghị cấp đăng ký in xuất khẩu xuất bản phẩm.

c) Bản sao ~~có chứng thực~~ giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm;

d) Bản sao ~~có chứng thực~~ hợp đồng in ~~gia công xuất bản phẩm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài;~~ xuất khẩu xuất bản phẩm; trường hợp hợp đồng bằng tiếng nước ngoài thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt;

đ) Bản sao hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đặt in hoặc giấy ủy quyền, căn cước công dân ~~giấy chứng minh nhân dân~~ của người được ủy quyền đặt in.".

Lý do: Thực hiện Quyết định 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ, thông qua việc thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử, giúp đơn giản hóa cách thức thực hiện, tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

d. Hoàn thiện nội dung quy định về cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; Đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh;

Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh, triển lãm, hội chợ.

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính đối với thủ tục cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (Điều 37), cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm (Điều 38), cấp giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh (Điều 39), cấp giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm (Điều 41). Cụ thể:

(1) Bổ sung khoản 3 Điều 37: *"3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc Uỷ ban nhân dân tỉnh phải cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.".*[7]

(2) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 38: *"5. Trong thời hạn ~~30~~ 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép, Bộ Thông tin và Truyền thông phải cấp giấy phép hoạt động kinh doanh nhập khẩu xuất bản phẩm; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do"*

(3) Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 39: *"3. Trong thời hạn ~~15~~ 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm, Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy xác nhận đăng ký nhập khẩu xuất bản phẩm để kinh doanh ~~bằng văn bản;~~ trường hợp không cấp giấy xác nhận đăng ký phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do.".*

(4) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 41: *"4. Trong thời hạn ~~15~~ 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải cấp giấy phép; trường hợp không cấp giấy phép phải có văn bản trả lời nêu rõ lý do".*

Lý do: Thực hiện Quyết định số 1994/QĐ-TTg ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ, thông qua việc thực hiện thủ tục hành chính trên phương tiện điện tử và giảm số ngày giải quyết thủ tục hành chính giúp tiết kiệm thời gian cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính, giảm tối đa chi phí tuân thủ thủ tục hành chính.

+ Bổ sung nội dung quy định về thành phần hồ sơ đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm (điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 37). Cụ thể: *"1. Trước khi hoạt động, cơ sở phát hành là doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, hợp tác xã, chi nhánh của các loại hình này phải đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm*

[7] Luật Xuất bản 2012 giao Chính phủ quy định chi tiết về trình tự, thủ tục cấp giấy xác nhận hoạt động phát hành. Theo Nghị định 195, thời hạn cấp là

với cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản qua cổng dịch vụ công trực tuyến hoặc nộp hồ sơ trực tiếp, hoặc qua hệ thống bưu chính. Hồ sơ đăng ký gồm:

a) Đơn đề nghị đăng ký/đăng ký lại hoạt động phát hành xuất bản phẩm theo mẫu quy định.

b) Bản sao giấy tờ sở hữu trụ sở hoặc hợp đồng thuê, mượn trụ sở để làm địa điểm kinh doanh; trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến, bảo sao phải có chứng thực điện tử.

c) Bản sao giấy tờ chứng minh được phép thường trú tại Việt Nam do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp cho người đứng đầu cơ sở phát hành có quốc tịch nước ngoài; trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến, bảo sao phải có chứng thực điện tử.

d) Bản sao văn bằng, chứng chỉ do cơ sở đào tạo chuyên ngành phát hành xuất bản phẩm cấp hoặc giấy chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý phát hành xuất bản phẩm do Bộ Thông tin và Truyền thông cấp, trường hợp nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công trực tuyến, bảo sao phải có chứng thực điện tử".

Lý do: Luật Xuất bản 2012 giao thẩm quyền quy định chi tiết việc cấp đăng ký hoạt động cho Chính phủ. Theo đó, thành phần hồ sơ được quy định tại Nghị định 195/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Xuất bản. Để thuận lợi hơn trong quá trình tổ chức thực hiện, nội dung thành phần hồ sơ cần quy định trực tiếp vào Luật sửa đổi, bổ sung.

+ Sửa đổi, bổ sung Điều 44, chuyển toàn bộ thẩm quyền cấp giấy phép hội chợ, triển lãm xuất bản phẩm về cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động xuất bản ở địa phương. Cụ thể: *"2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép cho triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm trên địa bàn".*

Lý do: Thời gian qua, thực hiện Luật Xuất bản 2012, việc tổ chức hội chợ, triển lãm xuất bản phẩm phát sinh một số khó khăn nguyên nhân do cơ quan quản lý nhà nước ở địa phương không được giao thẩm quyền cấp giấy phép hội chợ, triển lãm xuất bản phẩm do cơ sở phát hành ở Trung ương hoặc do cơ quan quản lý hoạt động xuất bản ở tỉnh, thành khác cấp. Vì thế, việc phân cấp, giao toàn bộ thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động hội chợ, triển lãm xuất bản phẩm cho cơ quan quản lý hoạt động xuất bản nơi diễn ra hội chợ, triển lãm là phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp, thực hiện chủ trương phân cấp quản lý xuống địa phương.

D. Chính sách 4: Hoàn thiện thể chế số trong hoạt động xuất bản

1. Mục tiêu của chính sách

a. Khắc phục hạn chế về phạm vi điều chỉnh và nội dung của chương V để làm cơ sở cho xác định điều kiện hoạt động xuất bản, phát hành xuất bản phẩm

điện tử phù hợp thực tiễn và yêu cầu phát triển.

b. Khắc phục, điều chỉnh các nội dung để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Chương V.

c. Khắc phục hạn chế về yêu cầu quản lý nhà nước đối với cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành (nền tảng số) và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ này nhằm thúc đẩy phát triển các nền tảng số trung gian, đồng thời lành mạnh hóa thị trường xuất bản phẩm điện tử.

2. Nội dung của chính sách

a. Điều chỉnh tên chương phù hợp với nội dung, yêu cầu quản lý về xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet.

b. Hoàn thiện nội dung các quy định về điều kiện xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử; cách thức thực hiện xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường Internet, ; kỹ thuật, công nghệ để xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân xuất bản, phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet; Nhập khẩu xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet và việc giao Chính phủ Quy định chi tiết về xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet, nộp lưu chiểu, nộp cho thư viện, quảng cáo trên xuất bản phẩm điện tử để phù hợp với nội dung điều chỉnh của Chương V là Xuất bản và phát hành xuấ bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet.

c. Hoàn thiện nội dung về quản lý đối với các cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian, bổ sung yêu cầu đối với cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm điện tử trên mạng Internet.

3. Giải pháp thực hiện chính sách và lý do lựa chọn

a. Hoàn thiện nội dung về tên và phạm vi điều chỉnh của Chương V

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

Sửa tên chương 5. Cụ thể: “Chương V là Xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet”.

Lý do: Để phù hợp với nội dung chính của chương là các nội dung quản lý về xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả quản lý, tháo gỡ khó khăn đơn giản hóa thủ tục hành chính để hỗ trợ doanh nghiệp.

b. Hoàn thiện nội dung các quy định để phù hợp với phạm vi điều chỉnh của Chương V, cụ thể:

- Giải pháp 01: Giữ nguyên như Luật hiện hành.

- Giải pháp 02: Sửa đổi, bổ sung như sau:

+ Bổ sung nội dung "trên môi trường mạng Internet" vào tên gọi các Điều 45, 46, 47, 50, 51, 52 và khoản 1,2 Điều 45, khoản 1, 2, 3, 4 Điều 46, lời dẫn Điều

+ Bỏ Điều 48 quy định về nộp xuất phẩm lưu chiểu và nộp xuất bản phẩm cho Thư viện quốc gia chuyển nội dung quản lý lên Điều 28;

+ Bỏ Điều 49 quy định về quản lý quảng cáo đối với xuất bản phẩm điện tử, chuyển nội dung này lên Điều 30 về quản lý quản lý quảng cáo đối với xuất bản phẩm.

Lý do: Để phù hợp với nội dung điều chỉnh của Chương V là Xuất bản và phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet.

c. Bổ sung quy định về quản lý các cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng Internet (khoản 3 Điều 4, 5) Cụ thể: "*3. Cơ sở cung cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm được cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm điện tử trên môi trường mạng và chỉ được cung cấp cho các nhà xuất bản, cơ sở phát hành đã được cấp xác nhận xuất bản và phát hành điện tử trên môi trường mạng Internet.*

Lý do: Thống nhất đưa vào quản lý cơ sở cung cấp dịch vụ trung gian phát hành xuất bản phẩm nói chung bao gồm cả xuất bản phẩm in và xuất bản phẩm điện tử, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ quyền tác giả và sự phát triển lành mạnh của thị trường xuất bản phẩm.

Bộ Thông tin và Truyền thông kính trình Chính phủ xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Ban Tuyên giáo TW (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban VHGD QH, Ủy ban Pháp luật QH, Văn phòng QH (để phối hợp);
- Bộ Tư pháp.
- Bộ trưởng Nguyễn Mạnh Hùng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Lưu: VT, CXBIPH (20).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Bùi Hoàng Phương